

LỜI MỞ ĐẦU

Luật phòng, chống ma túy được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026, gồm có 8 chương, 56 điều, quy định những nội dung cơ bản về phòng, chống ma túy; quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy; cai nghiện ma túy; trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức trong phòng, chống ma túy; quản lý nhà nước và hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy.

Việc xây dựng, ban hành Luật phòng, chống ma túy trong tình hình hiện nay xuất phát từ yêu cầu thực tiễn khách quan, với mục tiêu quan trọng là hoàn thiện cơ sở pháp lý về kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy, quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, cai nghiện ma túy để bảo đảm phù hợp với tổ chức bộ máy mới và khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thi hành thời gian qua.

Nhằm tuyên truyền, phổ biến những quy định của Luật phòng, chống ma túy đến cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân, nâng cao nhận thức, hạn chế vi phạm pháp luật, từ đó, góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống ma túy; Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai biên soạn tài liệu “Hỏi – Đáp Luật phòng, chống ma túy”, tuyên truyền đến cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Sở Tư pháp trân trọng giới thiệu!

1. Câu hỏi: Chất ma túy là gì?

Đáp:

Khoản 1 Điều 2 Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 quy định: Chất ma túy là chất gây nghiện, chất hướng thần được quy định trong danh mục chất ma túy do Chính phủ ban hành.

2. Câu hỏi: Chất gây nghiện là gì?

Đáp:

Khoản 2 Điều 2 Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 quy định: Chất gây nghiện là chất kích thích hoặc ức chế thần kinh, dễ gây tình trạng nghiện đối với người sử dụng.

3. Câu hỏi: Chất hướng thần là gì?

Đáp:

Khoản 3 Điều 2 Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 quy định: Chất hướng thần là chất kích thích hoặc ức chế thần kinh hoặc gây ảo giác, nếu sử dụng nhiều lần có thể dẫn tới tình trạng nghiện đối với người sử dụng.

4. Câu hỏi: Tiền chất là gì?

Đáp:

Khoản 4 Điều 2 Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 quy định: Tiền chất là hóa chất thường được sử dụng trong quá trình điều chế, sản xuất chất ma túy được quy định trong danh mục tiền chất do Chính phủ ban hành.

5. Câu hỏi: Cây có chứa chất ma túy là cây gì?

Đáp:

Khoản 5 Điều 2 Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 quy định: Cây có chứa chất ma túy là cây thuốc phiện, cây côca, cây cần sa và các loại cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định.

6. Câu hỏi: Tệ nạn ma túy là gì?

Đáp:

Khoản 7 Điều 2 Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 quy định: Tệ nạn ma túy là việc sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy và các hành vi vi phạm pháp luật về ma túy mà chưa đến mức hoặc không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

7. Câu hỏi: Người sử dụng trái phép chất ma túy là như thế nào?

Đáp:

Khoản 9 Điều 2 Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 quy định: Người sử dụng trái phép chất ma túy là người có hành vi sử dụng chất ma túy mà không được sự cho phép của người hoặc cơ quan chuyên môn có thẩm quyền và xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể có kết quả dương tính.

8. Câu hỏi: Người nghiện ma túy, cai nghiện ma túy là như thế nào?

Đáp:

- Khoản 11 Điều 2 Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 quy định: Người nghiện ma túy là người sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần và bị lệ thuộc vào các chất này.

- Khoản 12 Điều 2 Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 quy định: Cai nghiện ma túy là quá trình thực hiện các hoạt động hỗ trợ về y tế, tâm lý, xã hội, giúp người nghiện ma túy dừng sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần; phục hồi thể chất, tinh thần, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi để chấm dứt việc sử dụng trái phép các chất này.

9. Câu hỏi: Theo quy định của Luật phòng, chống ma túy thì các hành vi bị nghiêm cấm gồm những hành vi nào?

Đáp:

- Điều 5 Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 quy định các hành vi bị nghiêm cấm gồm:

1. Trồng cây có chứa chất ma túy, hướng dẫn trồng cây có chứa chất ma túy.

2. Nghiên cứu, giám định, kiểm nghiệm, kiểm định, sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, bảo quản, tồn trữ, mua bán, phân phối, xử lý, trao đổi, xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh trái phép chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa chất ma túy, tiền chất.

3. Chiếm đoạt chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa chất ma túy, tiền chất.

4. Giao nhận, quản lý, kiểm soát, lưu giữ, cấp phát, bảo quản chất ma túy, tiền chất trái quy định của pháp luật; cho phép người sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện hoặc thuốc hướng thần trái quy định của pháp luật.

5. Sử dụng, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy; chứa chấp, hỗ trợ việc sử dụng trái phép chất ma túy.

6. Sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy.

7. Cản trở việc xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể, xác định tình trạng nghiện ma túy, quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy.

8. Trả thù hoặc cản trở người thực thi nhiệm vụ phòng, chống ma túy, người tham gia phòng, chống ma túy.

9. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp để vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy.

10. Hướng dẫn sản xuất, sử dụng trái phép chất ma túy; quảng cáo, tiếp thị chất ma túy.

11. Kỳ thị người sử dụng trái phép chất ma túy, người cai nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy.

10. Câu hỏi: Cá nhân, gia đình và cộng đồng có trách nhiệm gì trong phòng, chống ma túy?

Đáp:

Điều 6 Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 quy định cá nhân, gia đình và cộng đồng có trách nhiệm:

1. Tuyên truyền, giáo dục thành viên trong gia đình, người thân về tác hại của ma túy và thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy; quản lý, ngăn chặn thành viên trong gia đình vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy.

2. Thực hiện đúng chỉ định của người có thẩm quyền về sử dụng thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất.

3. Hợp tác với cơ quan chức năng trong đấu tranh với tội phạm và tệ nạn ma túy; quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy; tham gia hỗ trợ hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy và điều trị nghiện bằng thuốc thay thế; theo dõi, giúp đỡ người sau cai nghiện ma túy hòa nhập cộng đồng; phòng, chống tái nghiện ma túy.

4. Cung cấp kịp thời thông tin về tội phạm, tệ nạn ma túy và việc trồng cây có chứa chất ma túy cho cơ quan công an hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tham gia xóa bỏ cây có chứa chất ma túy do chính quyền địa phương tổ chức.

11. Câu hỏi: Giám sát điện tử là gì?

Đáp:

Khoản 1 Điều 12 Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 quy định giám sát điện tử là biện pháp sử dụng thiết bị điện tử để quản lý, giám sát đối với:

- a) Người đang cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng;
- b) Người đang điều trị nghiện bằng thuốc thay thế;
- c) Người đang bị quản lý sau cai nghiện ma túy.

12. Câu hỏi: Hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy là hoạt động nào?

Đáp:

Khoản 1 Điều 13 Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 quy định hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy là hoạt động được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép, bao gồm:

a) Nghiên cứu, giám định, kiểm nghiệm, kiểm định, sản xuất chất ma túy (không bao gồm trồng cây có chứa chất ma túy), tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa chất ma túy, tiền chất;

b) Vận chuyển, bảo quản, tồn trữ, mua bán, phân phối, sử dụng, xử lý, trao đổi chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa chất ma túy, tiền chất;

c) Nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa chất ma túy, tiền chất.

13. Câu hỏi: Theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy, những hoạt động nào phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép?

Đáp:

Khoản 1 Điều 18 Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 quy định các hoạt động sau đây phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép:

1. Nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập chất ma túy, tiền chất;

2. Tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc.

14. Câu hỏi: Việc xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể được thực hiện đối với người thuộc trường hợp nào?

Đáp:

Khoản 1 Điều 23 Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 quy định xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể được thực hiện đối với người thuộc trường hợp sau đây:

1. Người bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy;

2. Người mà cơ quan, người có thẩm quyền có căn cứ cho rằng có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;
3. Đang trong thời hạn quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy;
4. Người đang cai nghiện ma túy;
5. Người đang điều trị nghiện bằng thuốc thay thế;
6. Người đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy.

15. Câu hỏi: Quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy là như thế nào? Thời hạn quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy là bao lâu?

Đáp:

1. Khoản 1 Điều 24 Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 quy định quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy là biện pháp phòng ngừa nhằm giúp người sử dụng trái phép chất ma túy không tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy, phòng ngừa người sử dụng trái phép chất ma túy thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

Quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy không phải là biện pháp xử lý hành chính.

2. Khoản 2 Điều 24 Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 quy định thời hạn quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy là 01 năm kể từ ngày ra quyết định quản lý.

16. Câu hỏi: Người sử dụng trái phép chất ma túy có trách nhiệm gì?

Đáp:

Điều 25 Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 quy định trách nhiệm của người sử dụng trái phép chất ma túy:

1. Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin về chất ma túy, hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của mình cho Công an cấp xã hoặc cơ quan, người có thẩm quyền khác.

2. Có mặt theo giấy triệu tập và theo yêu cầu của Công an cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian quản lý.

3. Cam kết chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật.

4. Trường hợp vắng mặt tại nơi cư trú phải báo cáo Công an cấp xã; thông báo với Công an cấp xã nơi đang cư trú trước khi thay đổi nơi cư trú; trình diện Công an cấp xã nơi cư trú mới trong thời hạn 24 giờ.

5. Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Luật này và quy định của pháp luật có liên quan.

17. Câu hỏi: Gia đình, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm như thế nào trong quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy?

Đáp:

Điều 26 Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 quy định trách nhiệm của gia đình, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy:

1. Gia đình người sử dụng trái phép chất ma túy có trách nhiệm sau đây:
 - a) Quản lý, giáo dục người sử dụng trái phép chất ma túy; ngăn chặn hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;
 - b) Cung cấp thông tin về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của người sử dụng trái phép chất ma túy cho Công an cấp xã;
 - c) Ngăn chặn người sử dụng trái phép chất ma túy có hành vi gây mất an ninh, trật tự;
 - d) Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền đưa người sử dụng trái phép chất ma túy đi xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nơi người sử dụng trái phép chất ma túy làm việc, sinh sống có trách nhiệm sau đây:

- a) Động viên, giúp đỡ, giáo dục người sử dụng trái phép chất ma túy; ngăn chặn hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;
- b) Phối hợp với gia đình, cơ quan có thẩm quyền tổ chức việc đưa người sử dụng trái phép chất ma túy đi xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể.

18. Câu hỏi: Cơ sở cai nghiện ma túy bao gồm những cơ sở nào?

Đáp:

Khoản 1 Điều 28 Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 quy định cơ sở cai nghiện ma túy được thành lập để thực hiện cai nghiện cho người nghiện ma túy, bao gồm:

1. Cơ sở cai nghiện ma túy công lập thực hiện cai nghiện ma túy cho người từ đủ 18 tuổi trở lên;
2. Trường giáo dưỡng, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện thực hiện cai nghiện ma túy cho người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi;
3. Cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân thực hiện cai nghiện ma túy cho người từ đủ 12 tuổi trở lên.

19. Câu hỏi: Thời hạn cai nghiện ma túy là bao lâu?

Đáp:

Khoản 1 Điều 29 Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 quy định thời hạn cai nghiện ma túy đối với người cai nghiện ma túy lần đầu là 24 tháng, đối với người cai nghiện ma túy từ lần thứ hai trở lên là 36 tháng.

20. Câu hỏi: có mấy hình thức cai nghiện ma túy? Gồm những hình thức nào?

Đáp:

Theo Điều 30 Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 có 02 hình thức cai nghiện ma túy, gồm:

1. Cai nghiện ma túy tự nguyện bao gồm:

a) Cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng phải thực hiện đầy đủ thời hạn, quy trình cai nghiện ma túy quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 29 của Luật Phòng, chống ma túy năm 2025;

b) Cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, trường giáo dưỡng, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện thực hiện cai nghiện ma túy cho người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi phải thực hiện đầy đủ thời hạn, quy trình cai nghiện ma túy quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 29 của Luật Phòng, chống ma túy năm 2025;

c) Cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân thực hiện đầy đủ thời hạn, quy trình cai nghiện ma túy quy định tại Điều 29 của Luật Phòng, chống ma túy năm 2025;

d) Cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân thực hiện ít nhất đủ 03 giai đoạn quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 29 của Luật Phòng, chống ma túy năm 2025, thời hạn và các giai đoạn còn lại phải tiếp tục thực hiện tại gia đình, cộng đồng.

2. Cai nghiện ma túy bắt buộc bao gồm:

a) Cai nghiện ma túy bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập cho người từ đủ 18 tuổi trở lên thực hiện đầy đủ thời hạn, quy trình cai nghiện ma túy quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 29 của Luật Phòng, chống ma túy năm 2025;

b) Cai nghiện ma túy bắt buộc tại trường giáo dưỡng, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện thực hiện cai nghiện ma túy cho người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi thực hiện đầy đủ thời hạn, quy trình cai nghiện ma túy quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 29 của Luật Phòng, chống ma túy năm 2025.

21. Câu hỏi: Cai nghiện ma túy tự nguyện được quy định như thế nào?

Đáp:

Khoản 1 Điều 32 Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 quy định: Cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng là việc người nghiện ma túy tự nguyện đăng ký cai nghiện tại gia đình, cộng đồng với sự hỗ trợ chuyên môn của tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy, sự phối hợp, trợ giúp của gia đình, cộng đồng và chịu sự quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã, Công an cấp xã.

22. Câu hỏi: Trường hợp nào thì người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa đi cai nghiện bắt buộc theo quy định?

Đáp:

Khoản 1 Điều 35 Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 quy định người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa đi cai nghiện bắt buộc theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính nếu không thuộc trường hợp bị xử lý theo quy định của pháp luật về hình sự, khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Không đăng ký, không thực hiện hoặc tự ý chấm dứt cai nghiện ma túy tự nguyện, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 33 của Luật Phòng, chống ma túy năm 2025.

2. Trong thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy.

3. Người nghiện ma túy không đăng ký, không thực hiện hoặc tự ý chấm dứt điều trị nghiện bằng thuốc thay thế hoặc bị chấm dứt điều trị nghiện bằng thuốc thay thế do vi phạm quy định về điều trị nghiện.

4. Trong thời gian quản lý sau cai nghiện ma túy mà xác định nghiện ma túy.

5. Trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 36 và các khoản 2, 3 và 4 Điều 47 của Luật Phòng, chống ma túy năm 2025.

23. Câu hỏi: Không áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện bắt buộc đối với trường hợp nào?

Đáp:

Khoản 2 Điều 35 Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 quy định không áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện bắt buộc đối với các trường hợp sau đây:

1. Người không có năng lực trách nhiệm hành chính;

2. Người đang mang thai có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện theo quy định pháp luật;

3. Phụ nữ hoặc người duy nhất đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận.

24. Câu hỏi: Cai nghiện ma túy bắt buộc cho người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi được quy định như thế nào?

Đáp:

Khoản 1 Điều 36 Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 quy định người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi bị đưa đi cai nghiện bắt buộc nếu không thuộc trường hợp bị xử lý theo quy định của pháp luật về hình sự khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Không đăng ký, không thực hiện hoặc tự ý chấm dứt cai nghiện ma túy tự nguyện, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 33 của Luật này;

2. Trong thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy;

3. Người nghiện ma túy không đăng ký, không thực hiện hoặc tự ý chấm dứt điều trị nghiện bằng thuốc thay thế hoặc bị chấm dứt điều trị nghiện bằng thuốc thay thế do vi phạm quy định về điều trị nghiện;

4. Trong thời gian quản lý sau cai nghiện mà xác định nghiện ma túy;

5. Trường hợp quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 47 của Luật này.

25. Câu hỏi: Trường hợp nào thì người phải chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện ma túy nhưng chưa đưa đến cơ sở cai nghiện ma túy công lập, trường giáo dưỡng được hoãn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện ma túy?

Đáp:

Khoản 1 Điều 39 Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 quy định người phải chấp hành quyết định nhưng chưa đưa đến cơ sở cai nghiện ma túy công lập, trường giáo dưỡng được hoãn chấp hành quyết định trong trường hợp đang ốm nặng có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đang điều trị hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ cấp cơ bản trở lên hoặc trong trường hợp gia đình đang có khó khăn đặc biệt được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận.

Khi điều kiện hoãn chấp hành quyết định không còn thì quyết định được tiếp tục thi hành.

26. Câu hỏi: Trường hợp nào thì người phải chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện ma túy nhưng chưa đưa đến cơ sở cai nghiện ma túy công lập, trường giáo dưỡng được miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện ma túy?

Đáp:

Khoản 2 Điều 39 Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 quy định người phải chấp hành quyết định nhưng chưa đưa đến cơ sở cai nghiện ma túy công lập, trường giáo dưỡng được miễn chấp hành quyết định trong các trường hợp sau đây:

1. Mắc bệnh hiểm nghèo có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đang điều trị hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ cấp cơ bản trở lên.

2. Trong thời gian hoãn chấp hành quyết định quy định tại khoản 1 Điều này mà người đó không còn nghiện ma túy.

3. Đang mang thai có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện theo quy định pháp luật.

27. Câu hỏi: Quản lý, hỗ trợ sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú được quy định như thế nào?

Đáp:

Điều 42 Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 quy định:

1. Người đã hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện, người đã hoàn thành điều trị nghiện bằng thuốc thay thế, người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đã chấp hành xong quyết định đưa đi cai nghiện bắt buộc chịu sự quản lý sau cai nghiện ma túy trong thời hạn 01 năm kể từ ngày hoàn thành việc cai nghiện hoặc chấp hành xong quyết định.

2. Người đã chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa đi cai nghiện bắt buộc chịu sự quản lý sau cai nghiện ma túy trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định.

3. Trường hợp người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định sau khi hoàn thành cai nghiện ma túy phải đăng ký với cơ sở cai nghiện ma túy công lập về nơi cư trú để thực hiện quản lý sau cai nghiện ma túy. Cơ sở cai nghiện ma túy công lập có trách nhiệm thông báo với Công an cấp xã nơi người đó đăng ký cư trú để thực hiện quản lý sau cai nghiện ma túy.

4. Nội dung quản lý sau cai nghiện ma túy bao gồm:

- a) Danh sách người bị quản lý sau cai nghiện ma túy;
- b) Tư vấn, giúp đỡ, phòng, chống tái nghiện ma túy;
- c) Quản lý cư trú; triệu tập; giám sát điện tử; xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể; phòng ngừa, ngăn chặn hành vi gây mất an ninh, trật tự.

5. Hỗ trợ xã hội trong thời gian quản lý sau cai nghiện ma túy bao gồm:

- a) Hỗ trợ học văn hóa đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi;
- b) Hỗ trợ học nghề, vay vốn, tìm việc làm và tham gia các hoạt động xã hội để hòa nhập cộng đồng.

28. Câu hỏi: Biện pháp can thiệp giảm tác hại đối với người sử dụng trái phép chất ma túy và người nghiện ma túy là như thế nào?

Đáp:

Điều 43 Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 quy định:

1. Biện pháp can thiệp giảm tác hại đối với người sử dụng trái phép chất ma túy và người nghiện ma túy là biện pháp làm giảm tác hại liên quan đến hành vi sử dụng trái phép chất ma túy gây ra cho bản thân, gia đình và cộng đồng.

2. Biện pháp can thiệp giảm tác hại đối với người sử dụng trái phép chất ma túy và người nghiện ma túy bao gồm:

- a) Điều trị nghiện bằng thuốc thay thế;
- b) Các biện pháp khác theo quy định của Chính phủ.

29. Câu hỏi: Gia đình người nghiện ma túy có trách nhiệm gì?

Đáp:

Khoản 1 Điều 44 Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 quy định gia đình người nghiện ma túy có trách nhiệm sau đây:

1. Hỗ trợ người nghiện ma túy trong quá trình cai nghiện ma túy, sau cai nghiện ma túy và hòa nhập cộng đồng;

2. Phối hợp với cơ quan, người có thẩm quyền trong việc lập hồ sơ áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy; phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan hỗ trợ người nghiện ma túy trong quá trình cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy và hòa nhập cộng đồng.

30. Câu hỏi: Cộng đồng nơi người nghiện ma túy cư trú có trách nhiệm gì?

Đáp:

Khoản 2 Điều 44 Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 quy định cộng đồng nơi người nghiện ma túy cư trú có trách nhiệm sau đây:

1. Động viên, giúp đỡ người nghiện ma túy;

2. Phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan hỗ trợ người nghiện ma túy trong quá trình cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy và hòa nhập cộng đồng.

31. Câu hỏi: Người cai nghiện ma túy có quyền và nghĩa vụ gì?

Đáp:

Điều 45 Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 quy định quyền và nghĩa vụ của người cai nghiện ma túy gồm:

1. Được bảo đảm kinh phí hoặc hỗ trợ kinh phí cai nghiện ma túy theo quy định của Luật này.

2. Được hưởng kết quả lao động trị liệu của mình theo quy định của Chính phủ.

3. Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về cai nghiện ma túy và tuân thủ hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

4. Nộp chi phí liên quan đến cai nghiện ma túy theo quy định của Luật này.

5. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

32. Câu hỏi: Cơ sở cai nghiện ma túy có quyền và nghĩa vụ gì?

Đáp:

Điều 46 Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 quy định quyền và nghĩa vụ của cơ sở cai nghiện ma túy:

1. Cơ sở cai nghiện ma túy có quyền sau đây:

a) Tiếp nhận người nghiện ma túy vào cai nghiện ma túy phù hợp với khả năng tiếp nhận của cơ sở cai nghiện;

b) Người đứng đầu cơ sở cai nghiện ma túy được quyết định áp dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật để quản lý, giáo dục, cai nghiện cho người cai nghiện ma túy;

c) Thực hiện thu, chi, quản lý tài chính liên quan đến cai nghiện ma túy theo quy định của pháp luật;

d) Được hưởng chế độ ưu đãi theo quy định của pháp luật.

2. Cơ sở cai nghiện ma túy có nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ các quy định về xác định tình trạng nghiện ma túy, quy trình cai nghiện ma túy, quản lý người đang trong thời gian lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy;

b) Tôn trọng tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người cai nghiện ma túy, người được đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy và người đang trong thời gian lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy;

c) Bảo đảm quyền của người nghiện ma túy trong thời gian cai nghiện và cấp giấy xác nhận hoàn thành cai nghiện ma túy hoặc hoàn thành các giai đoạn cai nghiện ma túy theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan;

d) Tổ chức lao động trị liệu cho người cai nghiện ma túy theo các hình thức do cơ quan có thẩm quyền quyết định; sử dụng kết quả lao động trị liệu để phục vụ cho người nghiện ma túy theo quy định của Chính phủ;

đ) Người đứng đầu cơ sở cai nghiện ma túy quyết định truy tìm đối với người đang cai nghiện ma túy bỏ trốn khỏi cơ sở cai nghiện;

e) Người đứng đầu cơ sở cai nghiện ma túy có nghĩa vụ bảo đảm điều kiện hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy, niêm yết công khai chi phí cai nghiện ma túy tại cơ sở theo quy định của pháp luật;

g) Phòng, chống thâm lậu ma túy vào cơ sở;

h) Cơ sở cai nghiện ma túy bố trí các khu hoặc phòng riêng cho người cai nghiện ma túy là nữ giới, người mắc bệnh truyền nhiễm nhóm A, nhóm B; đối với người có sự khác nhau giữa giới tính thực tế trên cơ thể và giới tính ghi trong hồ sơ, lý lịch thì được quản lý tại phòng riêng trong khu vực theo giới tính thực tế trên cơ thể.

Cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân còn phải bố trí các khu hoặc phòng riêng khi tiếp nhận người cai nghiện ma túy là người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi;

i) Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi người cai nghiện ma túy được tiếp nhận, tự ý chấm dứt việc cai nghiện, hoàn thành quy trình cai nghiện hoặc hoàn thành một số giai đoạn cai nghiện, cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân phải thông báo cho Công an cấp xã nơi cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân có trụ sở.

Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi người cai nghiện ma túy trốn khỏi cơ sở cai nghiện thì cơ sở cai nghiện ma túy công lập, trường giáo dưỡng phải thông

báo cho Công an cấp xã nơi lập hồ sơ đề nghị đưa người nghiện ma túy đi cai nghiện./.